

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm gần 7 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,645.82 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà giảm, ở chiều ngược lại ngành Bất động sản, Công nghệ thông tin có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX, UPCOM. Chỉ số đã đóng cửa dưới SMA10 và SMA20 cùng với thanh khoản giảm sút đáng kể trong giai đoạn giằng co đi ngang, thể hiện tâm lý thị trường đang cần trọng. Bên cạnh đó, thị trường chưa thể vượt qua kênh giá trên. Vùng hỗ trợ tiếp theo của thị trường là 1,600 – 1,610.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-6.89** điểm, đóng cửa tại **1645.82** điểm. HNX-Index **-3.80** điểm, đóng cửa tại **265.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.12)**, **VHM (+1.35)**, **LPB (+0.63)**, **VRE (+0.54)**, **FPT (+0.52)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.17)**, **CTG (-0.86)**, **TCB (-0.81)**, **HPG (-0.79)**, **STB (-0.72)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,149** tỷ đồng, tăng **10.90%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,603 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.63 điểm. Thị trường có **85** mã tăng, 59 mã tham chiếu, **229** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1221.68** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-261.60 tỷ)**, **STB (-187.57 tỷ)**, **CTG (-125.89 tỷ)**, **VHM (-116.58 tỷ)**, **SHB (-96.66 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-86.45** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.27%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+1.42%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+1.41%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIB (+0.25%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.89%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.93%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+3.22%)
VRE (+3.15%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.27%	-0.89%	-0.42%	-0.02%
1 tuần	-2.09%	-3.18%	-0.90%	0.37%
1 tháng	-5.12%	-5.58%	-2.11%	0.00%
3 tháng	10.96%	15.04%	18.66%	24.90%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,645.82	265.75	109.02
% 1D	-0.42%	-1.41%	-0.70%
GTKL (tỷ VND)	23,149	1,752	402
%1D	10.90%	18.35%	8.03%
GDNN (tỷ VND)	-1221.68	-86.45	-7.83

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	243.56	MWG	-261.60
HPG	38.02	STB	-187.57
ANV	36.52	CTG	-125.89
TCB	32.90	VHM	-116.58
GMD	26.57	SHB	-96.66

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

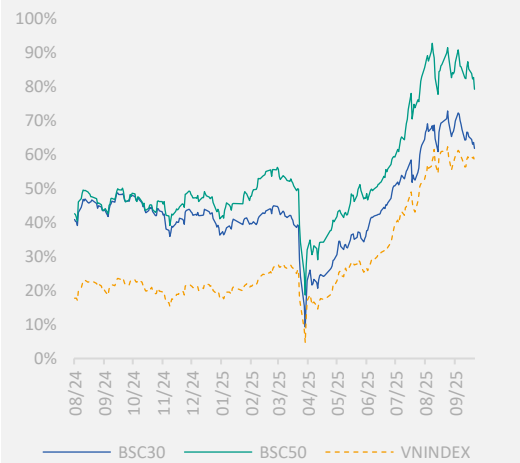
		%D	%W
SPX	6,715	0.06%	1.68%
FTSE100	9,477	0.52%	2.07%
Eurostoxx	5,657	0.23%	2.98%
Shanghai	3,883	0.52%	1.59%
Nikkei	45,770	1.85%	0.99%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.71	0.61%
Giá vàng	3,863	-0.58%
Tỷ giá		
USD/VND	26,420	-0.06%
EUR/VND	31,740	-0.01%
JPY/VND	183	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.00%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

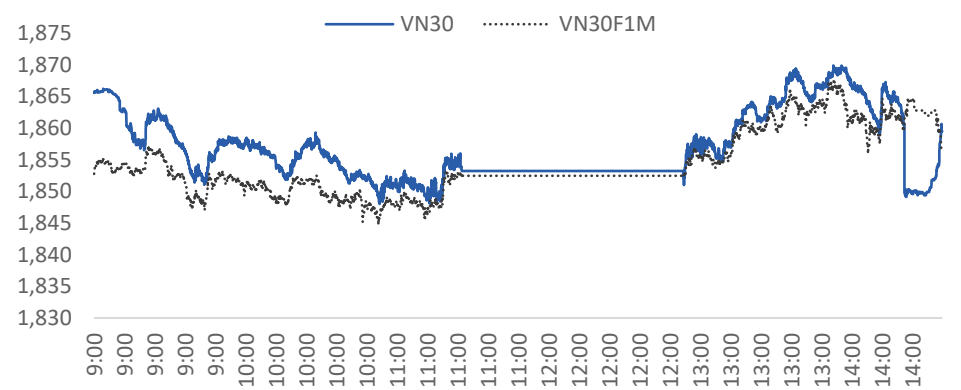
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1859.90	0.49%	435	-23.6%	20/11/2025	48
41I1FA000	1856.90	0.22%	264,736	8.2%	16/10/2025	13
VN30F2512	1854.90	0.37%	357	70.0%	18/12/2025	76
41I1G3000	1835.50	0.37%	86	32.31%	19/03/2026	167

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -0.29 điểm, đóng cửa tại 1859.51 điểm. Biên độ dao động 21.90 điểm. Các cổ phiếu như HPG, STB, VPB, MSN, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 giao dịch dưới tham chiếu trong phần lớn thời gian của phiên. Chỉ số kết phiên trong sắc đỏ với thanh khoản nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1FB000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2514	14/10/2025	11	2,166,800	1.25%	30.00	1,580	58.0%	1.43	33.16	32.75	32.75
CVNM2508	19/11/2025	47	200	14.70%	67.61	350	40.0%	0.04	70.31	61.30	61.30
CMWG2508	23/02/2026	143	14,600	16.38%	71.96	1,790	38.8%	1.02	89.61	77.00	77.00
CVRE2513	15/12/2025	73	812,800	5.77%	30.00	2,320	19.0%	1.93	34.64	32.75	32.75
CVRE2524	25/06/2026	265	200	31.69%	35.89	1,810	15.3%	0.80	43.13	32.75	32.75
CFPT2508	5/02/2026	125	13,600	52.84%	137.99	690	15.0%	0.01	142.75	93.40	93.40
CVRE2521	23/07/2026	293	300	31.30%	35.70	3,650	14.8%	1.75	43.00	32.75	32.75
CVRE2509	19/11/2025	47	2,500	2.95%	21.56	3,040	14.3%	2.83	33.72	32.75	32.75
CVRE2518	4/05/2026	213	1,700	15.17%	29.00	2,180	14.1%	1.51	37.72	32.75	32.75
CVRE2512	20/05/2026	229	73,500	6.69%	23.50	5,720	13.5%	5.15	34.94	32.75	32.75
CVRE2503	27/10/2025	24	15,700	3.02%	18.00	7,870	13.1%	7.40	33.74	32.75	32.75
CFPT2502	27/10/2025	24	396,600	57.81%	146.62	90	12.5%	0.00	147.40	93.40	93.40
CFPT2404	4/11/2025	32	673,500	16.60%	103.64	410	10.8%	0.03	108.90	93.40	93.40
CVRE2523	25/03/2026	173	254,400	23.48%	35.00	1,360	10.6%	0.65	40.44	32.75	32.75
CVRE2522	20/05/2026	229	1,600	10.72%	25.00	5,630	10.2%	4.54	36.26	32.75	32.75
CHPG2506	9/01/2026	98	229,500	8.06%	23.15	2,020	9.2%	1.54	29.88	27.65	27.65
CVRE2510	19/12/2025	77	1,200	4.03%	22.11	2,990	8.7%	2.72	34.07	32.75	32.75
CTCB2516	25/03/2026	173	4,900	39.59%	45.20	1,710	8.2%	0.31	53.53	38.35	38.35
CSHB2508	3/02/2026	123	22,500	8.45%	13.17	2,790	8.1%	2.24	18.11	16.70	16.70
CFPT2521	23/06/2026	263	41,300	43.36%	122.50	600	7.1%	0.10	133.90	93.40	93.40

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 03/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2514 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 58.00%. CHPG2520 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.44%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CTPB2510, CVPB2524, CFPT2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	176.50	3.22%	7.63
LPB	52.50	1.74%	1.84
FPT	93.40	1.41%	1.70
VHM	100.00	1.42%	1.54
VRE	32.75	3.15%	1.35

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.65	-1.60%	-2.69
STB	57.00	-2.90%	-2.10
VPB	29.50	-2.16%	-1.97
MSN	80.00	-1.84%	-1.68
TCB	38.35	-1.29%	-1.36

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	176.50	3.22%	5.12	3.88
VHM	100.00	1.42%	1.35	4.11
LPB	52.50	1.74%	0.63	2.99
VRE	32.75	3.15%	0.54	2.27
FPT	93.40	1.41%	0.52	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	86.30	1.05%	0.19	0.30
PMC	116.00	9.43%	0.07	0.01
MVB	19.30	1.58%	0.02	0.11
UNI	10.90	6.86%	0.02	0.04
GDW	40.00	8.11%	0.02	0.01

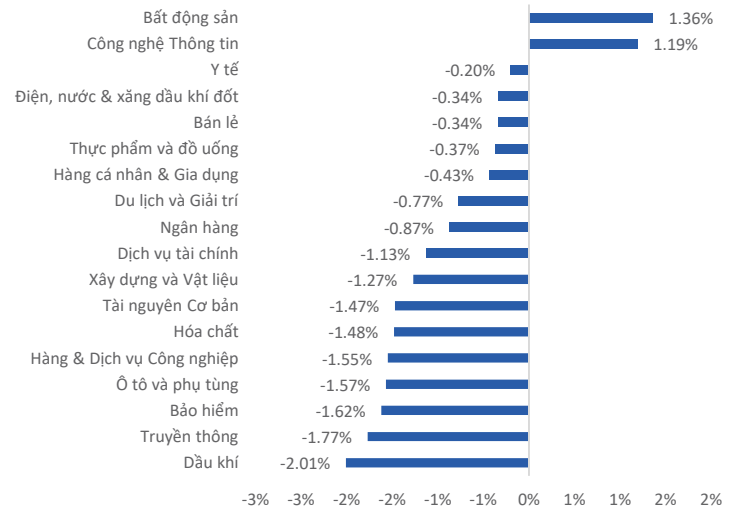
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ANV	30.85	6.93%	0.13	8.23
C47	10.90	6.86%	0.01	0.29
STG	37.90	6.76%	0.06	0.00
HSL	10.35	6.70%	0.01	1.28
KHP	13.40	6.35%	0.01	0.22

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QTC	22.50	9.76%	0.02	0.00
PTX	24.00	9.59%	0.05	0.00
PMC	116.00	9.43%	0.37	0.00
VCC	10.40	8.33%	0.08	0.00
GDW	40.00	8.11%	0.11	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	29.50	-2.16%	-1.17	7.93
CTG	50.80	-1.36%	-0.86	5.37
TCB	38.35	-1.29%	-0.81	7.09
HPG	27.65	-1.60%	-0.79	7.68
STB	57.00	-2.90%	-0.72	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	24.30	-2.80%	-0.41	0.89
CEO	23.50	-4.47%	-0.41	0.57
KSV	145.30	-1.82%	-0.36	0.20
PVS	31.50	-3.08%	-0.32	0.48
MBS	32.70	-2.10%	-0.27	0.57

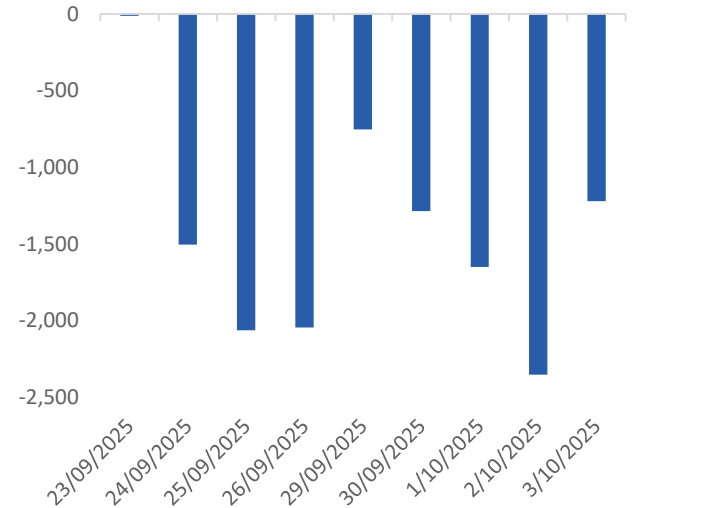
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BCG	2.80	-6.98%	-0.04	2.91
SGR	21.55	-6.91%	-0.02	1.02
VMD	19.30	-6.76%	0.00	0.27
TCD	2.10	-6.67%	-0.01	0.28
SFC	18.40	-6.36%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAP	11.20	-9.68%	-0.09	0.00
HJS	27.00	-7.85%	-0.16	0.00
MEL	6.00	-7.69%	-0.03	0.00
POT	19.40	-7.62%	-0.10	0.00
BKC	23.50	-7.11%	-0.14	0.07

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.0	-0.1%	1.4	113,989	771.7	3,304	23.3	100,800	46.7%	Link
KBC	Bất động sản	34.7	-1.0%	1.8	32,961	262.3	1,835	19.1	46,000	11.7%	Link
KDH	Bất động sản	31.8	-3.8%	1.2	37,033	218.1	716	46.1	39,900	29.4%	Link
PDR	Bất động sản	21.6	-5.7%	1.8	22,438	529.1	177	129.7	28,200	9.1%	Link
VHM	Bất động sản	100.0	1.4%	0.9	404,991	591.0	6,984	14.1	92,000	9.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.4	1.4%	1.0	156,893	717.6	5,092	18.1	118,700	36.6%	Link
BSR	Dầu khí	26.1	-2.1%	0.0	82,473	145.6	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	31.5	-3.1%	1.5	15,534	131.4	2,644	12.3	42,800	9.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.1	-1.5%	1.4	28,565	179.0	1,075	24.6		36.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	37.7	-0.5%	1.4	78,573	949.8	1,569	24.1		37.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	41.6	-1.2%	1.4	30,421	249.7	1,368	30.8		25.7%	
DCM	Hóa chất	34.9	-2.2%	1.2	18,900	111.6	3,186	11.2	47,300	6.6%	Link
DGC	Hóa chất	91.5	-0.3%	1.1	34,864	104.9	8,175	11.2	109,300	12.2%	Link
ACB	Ngân hàng	25.7	-0.4%	0.9	132,269	262.9	3,305	7.8	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	39.8	-0.8%	0.9	281,557	100.6	3,683	10.9	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	50.8	-1.4%	1.1	276,555	388.2	5,608	9.2	53,500	26.3%	Link
HDB	Ngân hàng	30.2	-2.1%	1.4	107,823	291.4	4,075	7.6	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	26.6	-0.9%	1.1	215,874	388.9	3,046	8.8	32,000	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.1	-1.5%	1.1	41,496	99.8	1,634	8.1	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	57.0	-2.9%	1.0	110,662	545.1	6,148	9.6		18.1%	
TCB	Ngân hàng	38.4	-1.3%	1.2	275,300	432.4	3,018	12.9	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.7	-0.5%	1.2	49,669	171.3	2,423	7.8	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	61.7	0.1%	0.7	518,887	190.8	4,148	15.0	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.8	0.3%	1.1	67,059	133.3	2,218	8.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.5	-2.2%	1.3	239,208	938.2	2,193	13.8	35,600	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.7	-1.6%	1.1	215,681	1685.5	1,750	16.1	34,300	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.1	-2.4%	1.5	11,488	109.2	751	24.6	23,800	8.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.9	-0.2%	1.0	10,372	113.5	4,124	6.5	31,700	3.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	80.0	-1.8%	1.3	117,842	900.6	1,861	43.8	92,700	24.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.3	0.2%	0.6	127,905	247.2	4,101	14.9	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.0	-2.08%	1.3	8,953	42.9	2,216	18.4	22.1%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	123.0	-0.81%	0.8	21,117	24.2	3,163	39.2	30.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.0	-2.03%	1.0	40,160	12.6	3,278	16.5	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	21.5	-4.23%	1.3	14,512	597.9	211	106.2	4.6%	1.8%	
DXG	Bất động sản	20.1	-0.25%	1.6	20,480	452.6	350	57.5	22.2%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	33.2	-3.91%	1.3	6,153	167.0	482	71.6	5.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	30.0	-2.44%	1.4	11,376	135.1	540	57.0	18.4%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	37.8	-2.07%	1.2	14,649	167.8	3,977	9.7	15.1%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	37.4	-4.23%	1.3	15,018	162.9	1,709	22.8	44.2%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	53.9	-1.64%	1.4	13,268	13.4	5,215	10.5	3.6%	28.1%	
SZC	Bất động sản	33.0	-2.94%	1.4	6,120	27.5	1,978	17.2	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.4	-3.17%	1.4	19,198	169.8	1,118	19.8	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	176.5	3.22%	0.9	658,866	865.3	3,487	49.0	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	32.8	3.15%	1.2	72,146	380.7	1,937	16.4	16.9%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.2	-1.14%	1.0	8,385	9.7	1,701	23.3	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.5	-1.62%	0.9	43,200	67.3	1,661	20.5	15.7%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	20.8	-3.03%	1.3	11,924	103.9	1,428	15.0	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.0	1.16%	1.4	11,989	89.3	1,348	25.7	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	32.7	-2.10%	1.6	22,001	138.9	1,501	22.2	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.1	-0.33%	0.8	145,501	28.4	5,002	12.1	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.1	-1.06%	0.9	33,255	166.4	636	22.3	2.5%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.5	-1.07%	0.8	35,316	18.1	4,417	14.8	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	129.3	0.47%	0.9	76,140	207.9	3,427	37.6	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.5	-3.14%	1.4	48,910	441.2	1,736	31.2	7.6%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.9	-0.15%	1.1	27,733	108.8	3,826	17.3	42.0%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.0	0.75%	1.1	9,051	101.1	5,700	9.4	5.6%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.8	-1.39%	1.0	8,459	51.6	2,306	7.8	8.5%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	94.6	-0.96%	0.0	11,764	16.4	3,317	29.1	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	83.0	-0.12%	0.8	28,080	85.8	6,115	13.6	48.8%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.6	-0.34%	0.9	3,322	36.3	2,693	11.0	49.4%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	-1.54%	1.3	2,391	9.4	2,841	6.9	17.3%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	24.1	0.84%	1.2	16,216	120.3	957	24.9	6.6%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	26.7	-2.20%	1.9	109,200	64.1	1,331	20.5	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	25.2	-1.75%	1.0	47,779	277.6	1,783	14.4	5.0%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	52.5	1.74%	1.0	154,144	135.8	3,324	15.5	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	14.9	0.68%	0.0	25,392	24.9	2,260	6.6	1.5%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.9	0.00%	1.1	34,353	37.6	1,130	11.4	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	-2.34%	1.4	7,653	210.0	666	25.7	6.1%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.9	6.93%	1.3	7,681	249.1	1,871	15.4	4.2%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.5	-1.01%	0.7	10,580	68.0	1,981	17.6	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.6	0.33%	0.7	58,228	23.0	3,185	14.3	58.3%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.1	2.04%	1.1	12,120	68.7	6,444	8.4	20.2%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.0	-0.07%	0.6	11,551	4.3	13,894	10.2	85.1%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.5	1.10%	1.1	8,277	116.7	4,565	17.9	47.8%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	82.4	-1.79%	1.1	9,597	22.7	4,930	17.0	5.6%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.9	0.34%	1.2	4,506	50.5	2,518	17.8	5.4%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.1	-2.59%	1.5	7,685	243.5	1,077	14.4	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.3	-2.22%	1.2	8,870	44.1	1,189	20.9	14.2%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.3	-0.55%	1.1	17,713	217.0	1,195	22.9	8.0%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	53.1	-4.84%	1.4	25,018	58.0	3,343	16.7	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>